

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2026

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Phương và ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Tùng Lâm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa:
ông Đỗ Tiến Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường P, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

Bị đơn: anh **Trần Anh D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường P, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Anh D trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2012 tại UBND xã Đ, huyện T (nay là xã L), tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Anh Dũng có lần đã đánh chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Trần Khánh L - sinh ngày 03/7/2013 và Trần Gia H - sinh ngày 08/02/2015. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con chung, không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được giao trực tiếp nuôi 02 con, chị xin được trực tiếp nuôi cháu H, để anh D trực tiếp nuôi cháu L vì đó là nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị T trình bày hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Anh D trình bày:

Anh Dũng và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2012 tại UBND xã Đ, huyện T cũ (nay là xã L) như chị T đã trình bày.

Trong quá trình vợ chồng chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên có xảy ra cãi nhau. Anh Dũng cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa lớn, anh cũng thừa nhận đã có những xử sự cũng chưa tốt với vợ dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn tuy nhiên anh vẫn yêu thương vợ và các con. Anh Dũng xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để làm ăn kinh tế, nuôi dạy con chung. Đề nghị Tòa án xem xét cho vợ chồng anh chị đoàn tụ để về chung sống với nhau.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như chị T đã trình bày. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh Dũng không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Trần Anh D

Về con chung: Giao chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Gia H - sinh ngày 08/02/2015; giao cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

cháu Trần Khánh L - sinh ngày 03/7/2013 theo nguyện vọng của các cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia

Về tài sản, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn anh Trần Anh D là tranh chấp hôn nhân gia đình. Bị đơn (anh D) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Anh D tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2012 tại UBND xã Đ, huyện T, nay là xã L, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh D có xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D cũng thừa nhận trong quá trình chung sống anh đã có thời gian có lỗi, không quan tâm đến gia đình và mong muốn chị T bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã hòa giải nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ quan điểm kiên quyết xin được ly hôn vì cho rằng không thể hòa hợp chung sống cùng nhau. Anh Dũng có nguyện vọng đoàn tụ nhưng cũng không tìm ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh thông tin từ khu dân cư đã cung cấp, chị T và anh D trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc trên cơ sở pháp luật, bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Từ những thông tin trên có thể thấy, mâu thuẫn của T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xử cho chị T được ly hôn anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị T và anh D xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Khánh L - sinh ngày 03/7/2013 và Trần Gia H - sinh ngày 08/02/2015. Chị T và anh D đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Chị T còn trình bày nếu khi ly hôn chị không được giao trực tiếp nuôi cả hai con thì chị đề nghị để anh D xin nuôi cháu L, chị T nuôi cháu H. Xét thấy chị T và anh D đều là lao

động tự do, đều có khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nếu giao các cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng trong điều kiện anh chị đều là lao động tự do thì có thể sẽ gặp khó khăn trong việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy xét giao cho mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp. Sau khi tham khảo ý kiến nguyện vọng của các cháu, giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Trần Anh D

Về con chung:

Giao cho chị Trần Thị Kim T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Gia H - sinh ngày 08/02/2015; anh Trần Anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Khánh L - sinh ngày 03/7/2013 kể từ ngày 09/01/2026 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006062 ngày 27/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T, anh D có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 2- Phú Thọ;
- UBND xã Đỗ Xuyên;
- (KH 28/12/2012 tại UBND xã Đỗ Xuyên)
- Đường sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thanh Loan